

Những xu hướng gần đây trong mối quan hệ Ấn Độ-Việt Nam đã được ban lãnh đạo chính trị hai nước cam kết thúc đẩy mạnh mẽ. Đây chính là động lực giúp mối quan hệ hai nước tiếp tục phát triển vững mạnh hơn trong tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh chính trị, kinh tế khu vực và quốc tế đang có sự biến chuyển.



## **Tóm tắt**

Tháng 8/2017, Việt Nam cho biết nước này đã mua của Ấn Độ tên lửa hành trình chống hạm BrahMos, một loại vũ khí mà Việt Nam từ lâu đã đánh giá cao. Không

trình bày quá cụ thể, Bộ Ngoại giao Việt Nam cho biết "việc Việt Nam mua trang thiết bị phòng thủ là một quán lý chính sách hòa bình và tự do và là hoạt động bình thường trong quốc phòng". Tuy nhiên, ông tuyên bố rằng các báo cáo về thỏa thuận này là "không chính xác". Mặc dù vậy, việc Hà Nội đang nói lên một nỗ lực then chốt trong chính sách Hành động phía Đông của ông là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Thủ tướng ông Narendra Modi đã tiếp thăm Việt Nam vào năm 2016, trên đường tiếp Trung Quốc tham dự hội nghị thượng đỉnh G20. Là chuyến thăm đầu tiên của một thủ tướng ông trong 15 năm, chuyến thăm này rõ ràng cho thấy New Delhi đã không còn do dự trong việc mở rộng sự hiện diện của họ ở vùng ngoại vi của Trung Quốc. Chính quyền Modi đã không giấu giếm mong muốn đóng một vai trò quyết định hơn trong khu vực ông Đông-Thái Bình Đông. Chính Modi đã lặp lại rằng ông có thể là chìa khóa cho hòa bình, thịnh vượng và sự ổn định ở châu Á và châu Phi. Do đó, động thái rõ ràng tại Việt Nam với tham vọng lớn hơn không phải là điều đáng ngạc nhiên.

Quan hệ song phương giữa ông và Việt Nam đã được tăng cường trong những năm gần đây với trọng tâm chung là các vấn đề an ninh khu vực và thượng giới. Theo truyền thống, ông có được sự hiện diện thuận lợi ở Việt Nam như việc nỗ lực ông hỗ trợ Việt Nam giành được lập tức Pháp và cuối cùng thắng lợi cuối cùng, cũng như phần đời sống dính líu của Mỹ trong Chiến tranh Việt Nam. Việt Nam và ông có lịch sử quan hệ ngoại giao phong phú. Ông đã kiên định ông hỗ trợ Bắc Việt Nam trong những thời kỳ thử thách nhất của phong trào giải phóng của nước này. Ông cũng là một trong những quốc gia đầu tiên công nhận Chính phủ Việt Nam ngay sau khi Việt Nam thắng lợi cuối cùng vào giữa những năm 1970. Cả ông và Việt Nam đều là đồng minh thân cận của Liên Xô trong Chiến tranh Lạnh. Tuy nhiên, cả 2 quốc gia đầu tiên có thiện cảm mạnh mẽ là những minh chứng rõ ràng cho chí khí trong các chính sách đối nội và đối ngoại của họ, điều thường dẫn tới xích mích với Mỹ. Với sự trợ giúp của Trung Quốc trong những năm gần đây, quan hệ của hai nước đã trở nên có định hướng mang tính chiến lược. Thượng giới song phương cũng đã từng trở nên căng thẳng khi hai nền kinh tế ông và Việt Nam được tự do hóa. Việt Nam đã ông hỗ trợ vai trò nổi bật hơn của ông trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cũng như nỗ lực của ông trở thành ủy viên thường trực Hội đồng Bộ trưởng Liên hợp quốc.

Sự tin tưởng lẫn nhau, các mối đe dọa nói lên từ một Trung Quốc đang trở nên, và sự hội tụ của các lợi ích chiến lược đã góp phần làm sâu sắc thêm mối quan hệ giữa 2 nước tại mức mà giờ đây Việt Nam can dự với ông với tư cách là một đối tác chiến lược toàn diện, một dấu hiệu rõ ràng cho thấy cả 2 nước đều coi trọng quan

hệ đối tác trọng yếu này. Việc thể chế hóa quan hệ đối tác song phương này đã diễn ra nhanh chóng. Hai nhà nước đã ban hành một Tuyên bố chung và hợp tác toàn diện vào năm 2003, trong đó 2 nước đã định hình thành một "Vòng cung lợi ích và thịnh vượng" ở Đông Nam Á và bắt đầu đối thoại chiến lược từ năm 2009.

Thông qua Tuyên bố chung và quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam-Độc lập năm 2007, Độc lập và Việt Nam đã nhất trí thiết lập cơ chế đối thoại chiến lược và hợp tác trọng yếu ngoại giao. Năm cuối đối thoại chiến lược đã được tổ chức: lần đầu tiên vào năm 2009 và gần đây nhất vào tháng 8/2016. Từ năm 2007, 2 nước cũng đã tổ chức các cuộc đối thoại chính sách quốc phòng thường niên, trong đó cuộc đối thoại lần thứ 10 đã được tổ chức tại Hà Nội vào tháng 3/2017. Năm 2015, 2 nước đã ký kết Tuyên bố và tầm nhìn chung giai đoạn 2015-2020, trong đó 2 nước cam kết thường xuyên trao đổi và tăng cường hợp tác quốc phòng, thường mại quốc phòng, huấn luyện và hợp tác trong việc phát triển các công nghệ mới sau đó.

Bài viết này mô tả các xu hướng gần đây trong quan hệ của Độc lập với Việt Nam, tập trung vào các nhân tố then chốt thúc đẩy sự can dự song phương này. Bài viết lập luận rằng được thúc đẩy bởi việc nhận mạnh những thay đổi cơ bản về cấu trúc và cam kết mạnh mẽ của ban lãnh đạo chính trị của 2 quốc gia, quan hệ Độc lập-Việt Nam có khả năng phát triển vững mạnh hơn trong những năm tới.

### **Những thách thức chiến lược đang tiên tri**

Một trong những tác nhân chi phối đáng kể nhất đưa quan hệ đối tác chiến lược giữa Độc lập và Việt Nam đi vào chiều sâu là việc giữa hai nước có cùng chung mối e ngại trước một Trung Quốc hùng mạnh, mà sự quy tụ đoán ngày càng tăng của nước này được phản ánh qua việc tăng cường các hệ thống vũ khí, trong đó có các hệ thống chống máy bay và phòng tên lửa, trên các đảo nhân tạo mà nước này đã xây dựng ở (Biển Đông). Ở Việt Nam, thái độ quy tụ đoán ngày càng tăng của Trung Quốc là một vấn đề gây quan ngại trực tiếp về an ninh, trong khi Độc lập đã và đang xem xét kỹ lưỡng sự bành trướng trên biển của Trung Quốc vào khu vực Đông Nam Á. Độc lập cũng đang phải chịu gánh nặng của một Trung Quốc đang trở lại, mà chính sách bành trướng của nước này gần đây nhất đã được biểu hiện trong cuộc đối đầu giữa cơ kéo dài 73 ngày giữa quân đội Độc lập và Trung Quốc ở cao nguyên Doklam gần ngã ba Độc lập-Bhutan-Trung Quốc. Để đáp trả, trong thời gian gần đây, Độc lập đã tích cực tìm cách can dự với các nước trong khu vực có chung các thách thức tương tự với Trung Quốc.

Trung Quốc đã và đang phôi dũa các dự án của mình, không định rùng vùng lãnh thổ này thuộc chủ quyền của mình. Ông tiếp tục gia tăng áp lực trong các dự án thăm dò trong khu vực này mang tính thương mại thu ngắn, trong khi Trung Quốc coi các hoạt động này chủ yếu là vấn đề chủ quyền. Những động thái của ông đã khiến Trung Quốc bất an và nhìn nhận sự can thiệp ngày càng gia tăng của nước này ở Đông Á và Đông Nam Á với con mắt nghi ngờ.

Việt Nam thâm nhập khu vực Biển Đông bằng tranh chấp thông qua Việt Nam nói lên nhiều điều. Ông đã ký kết một thỏa thuận với Việt Nam vào tháng 10/2011 nhằm mở rộng và thúc đẩy hoạt động thăm dò dầu khí ở Biển Đông và báo về quy định của mình, bất chấp việc Trung Quốc thách thức tính hợp pháp của sự hiện diện của ông. Sau khi yêu cầu các quốc gia "bên ngoài khu vực" tránh xa Biển Đông, Trung Quốc đã gửi một công hàm ngoại giao tới ông vào tháng 11/2011, nhận mạnh rằng việc thăm dò các lô 127 và 128 phải được sự cho phép của Bắc Kinh. Nếu không có sự cho phép này, các hoạt động của Công ty dầu khí ông ONGC Videsh Ltd. (OVL), công ty dầu khí lớn thứ hai ông, sẽ bị coi là bất hợp pháp. Trong khi đó, Việt Nam đã nhận mạnh Công ước Liên hợp quốc về luật biển năm 1982 nhằm khẳng định chủ quyền của nước này đối với 2 lô đang được thăm dò. Ông đã quy định thu ngắn theo các tuyên bố chủ quyền của Việt Nam và phớt lờ những sự phôi dũa của Trung Quốc.

Vì Hà Nội đã công khai đối chọi với Bắc Kinh về các tuyên bố chủ quyền cạnh tranh lẫn nhau của họ đối với Biển Đông trong vài năm qua, nên một phần ông chủ yếu là nằm trong dự kiến. Tuy nhiên, điều ông là sự quy định luật của New Delhi trong việc công khai đối với Trung Quốc. New Delhi, vốn thường thích đứng ở bên lề và tránh về phe với bất kỳ ai, dường như đang nhìn ra rằng họ không thể duy trì thái độ khoanh tay đứng nhìn đối với xa xỉ nếu muốn báo toàn uy tín với tư cách là một bên tham gia đáng kể ở Đông Á và Đông Nam Á. Bằng việc ông các tuyên bố của Hà Nội và chấp nhận lợi ích của Việt Nam tại thăm dò 2 lô dầu này, ông không chỉ bày tỏ mong muốn của nước này làm sâu sắc thêm tình hữu nghị với Việt Nam, mà còn phớt lờ lợi ích cạnh tranh "hãy tránh xa" của Trung Quốc.

Tháng 6/2012, Tổng công ty dầu khí hội đồng Trung Quốc (CNOOC) thu ngắn sự hợp tác nhà nước đã mở thầu cho hoạt động thăm dò đối với 9 lô thu ngắn vùng biển mà Việt Nam công khai tuyên bố chủ quyền. Lô dầu khí 128, mà Việt Nam lập luận là thuộc Vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý được trao cho nước này theo Công ước Liên hợp quốc về luật biển, là một phần trong 9 lô được CNOOC mở thầu trên phạm vi toàn cầu.

Bằng việc mời thầu trên phạm vi toàn cầu đối với một lô dầu mỏ của Việt Nam, vốn đang được một công ty dầu khí lớn nhất thế giới, Trung Quốc đã đưa tên mình vào thị trường. Việc này không hề dễ dàng bởi những thách thức của Trung Quốc được thể hiện rõ trong Diễn đàn khu vực ASEAN 2012 ở Phnom Penh, tại đây New Delhi đã đưa ra lập luận mạnh mẽ rằng họ không chỉ quyên tụy do hàng hóa, mà còn quyên tụy cả nhân lực tài nguyên theo các nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Bất chấp việc phát triển kinh tế chính trị, ngay cả Hội quân lớn nhất, vốn tự ra ngoài giới vực tích trong các trường hợp khác, cũng cam kết bỏ qua các lợi ích thương mại của tên ông ở Biển Đông.

Tháng 11/2013, OVL và Petro Vietnam đã ký kết Biên bản ghi nhớ về việc thúc đẩy thương mại và khai thác chung các tài nguyên dầu mỏ của Việt Nam. Quyết định của OVL thương mại dầu mỏ với Việt Nam được đưa ra sau sự việc vào tháng 7/2011 khi một tàu chiến không xác định của Trung Quốc yêu cầu Tàu hải quân lớn nhất (INS) Airavat, một tàu tuần công đồ bộ, tự trình báo danh tính và ghi chép sự kiện diễn ra của mình ở Biển Đông sau khi rời khỏi vùng biển của Việt Nam. Tàu chiến lớn nhất này đã ở trong vùng biển quốc tế sau khi hoàn thành chuyển thương cảng theo lịch trình tại Việt Nam.

Ở Biển Đông và Đông Thái Bình Dương, tên ông đang từng bước đi để với Việt Nam như cách Trung Quốc nhìn nhận Pakistan ở Nam Á: là một nguồn tài nguyên sạch nhất hàng chiến lược. Các chiến lược gia lớn nhất thế giới lâu đã đi xu hướng New Delhi nên tận dụng những xung đột của Việt Nam với Bắc Kinh để phục vụ cho lợi ích của mình. Từ khi 2 quốc gia ký kết Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược vào tháng 11/2007, nâng quan hệ song phương của hai nước lên tầm quan hệ đối tác chiến lược, sự hợp tác an ninh lớn nhất-Việt Nam đã được đẩy nhanh.

Việt Nam đang từng bước trở thành nhân tố cốt yếu của động thái hàng đầu của tên ông. Từng đi đầu với Bắc Kinh trong một cuộc chiến chóng vánh vào năm 1979, Hà Nội đã trở nên thận trọng trước sự mạnh mẽ kinh tế và quân sự ngày càng gia tăng của Bắc Kinh. Đây là lý do ghi chép tại sao sự việc với một số nhóm người ở New Delhi, Việt Nam đã được nhìn nhận như một đối trọng, phần lớn giằng dụa vai trò của Pakistan đối với Trung Quốc. Nếu Trung Quốc muốn mở rộng sự kiện diễn ra của nước này ở Nam Á và khu vực lớn nhất Đông, thì tình cảm ở New Delhi là tên ông có thể làm điều tương tự ở Đông Á. Nếu Trung Quốc có thể có quan hệ đối tác chiến lược với Pakistan và phát triển các mối quan hệ của tên ông, thì tên ông có thể phát triển mạnh mẽ quan hệ với các nước thuộc vùng ngoại vi của Trung Quốc như Việt Nam mà không cho Trung Quốc có hội bác bỏ các mối quan hệ như vậy.

Điểm này có nghĩa là New Delhi đã sẵn sàng thách thức Bắc Kinh sâu sắc sau cuộc họp. Ít nhất là cho đến nay, lập trường này đang nhận được sự hoan nghênh từ các quốc gia như Việt Nam, vốn lo sợ trường thế thái đi ngày càng hung hăng của Trung Quốc.

## Hợp tác quốc phòng

Hợp tác quốc phòng là trọng tâm hai của mối quan hệ đối tác song phương này. Ấn Độ và Việt Nam đã ký kết Nghị định thư về hợp tác quốc phòng chính thức vào năm 2000, trong đó bao hàm việc mua bán các máy bay trực thăng quân sự, trang thiết bị cho việc sửa chữa máy bay của Việt Nam và các sáng kiến huấn luyện cho quân nhân Việt Nam. Sau sự kiện này, một số lĩnh vực hợp tác đã trở thành chu kỳ mới. Các lĩnh vực này bao gồm "việc thông tin xuyên biên giới thông tin tình báo, hoạt động huấn luyện chung của lực lượng cảnh sát biên nhậm chung biên, hoạt động huấn luyện và chiến tranh rừng rậm và chiến nội địa cho quân đội Ấn Độ, việc sửa chữa các máy bay và trực thăng của Việt Nam, hoạt động huấn luyện phi công Việt Nam và sự hỗ trợ của Ấn Độ trong sản xuất vũ khí nhô và vắa".

Việt Nam cũng tham gia cuộc diễn tập hải quân đa quốc gia MILAN của Ấn Độ. Hàng năm, Ấn Độ cấp học bổng cho 50 quân nhân của Việt Nam theo chương trình Hợp tác kỹ thuật và kinh tế Ấn Độ (ITEC). Năm này đã cung cấp cho Việt Nam hơn một tỉn dng ầu đắ trị giá 100 triệu USD cho việc mua sắm trang thiết bị quốc phòng. Trong một số kiến chắa tng có trắc đắ, năm này đã bán 4 tàu tuần tra ngoài khơi cho Việt Nam, mà có khả năng được sử dụng để công cắ hắ thng phòng thắ của năm này ở vùng Biển Đông giàu năng lượng.

Xét tại việc Việt Nam và Ấn Độ cùng sử dụng các phương tiện của Nga và của Liên Xô trước đây, có sự hỗ trợ đáng kể giữa 2 năm này trong lĩnh vực quốc phòng. Việt Nam đã tìm kiếm sự giúp đỡ của Ấn Độ trong việc hiện đại hóa vũ khí quân dụng hàng năng của năm này. Năm 2016, Chính quyền Modi đã yêu cầu công ty hàng không và trực BrahMos, một liên doanh Ấn-Nga tng phát triển tên lửa hành trình siêu thanh, xúc tiến việc bán vũ khí cho Việt Nam cũng như cho Indonesia, Nam Phi, Chile và Brazil. Tuy nhiên, mặc dù quan hệ giữa 2 năm đã phát triển đáng kể trong vài năm qua, nhưng New Delhi đã do dự trước đề nghị mua tên lửa BrahMos của Hà Nội, cho rằng việc mua bán này sẽ gây ra sự đối địch với Trung Quốc.

Hai nước đều có lợi ích trong việc đảm bảo an ninh trên các tuyến đường biển và chia sẻ các mối quan ngại về quyền tiếp cận của Trung Quốc tại Ấn Độ Dương và Biển Đông. Do đó, Ấn Độ đang giúp đỡ Việt Nam xây dựng năng lực sẵn sàng và bảo vệ đường các phòng tuyến quốc phòng của nước này. Đồng thời, lực lượng vũ trang 2 nước đã bắt đầu hợp tác trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin và đào tạo tiếng Anh cho quân nhân Việt Nam. Hai nước có một nước bè bạn chung tiềm năng là Mỹ. Việc Ấn Độ chìa tay ra với Hà Nội diễn ra vào thời điểm Mỹ dỡ bỏ lệnh cấm bán trang thiết bị quân sự gây sát thương cho Việt Nam vẫn có thể lâu. Quan hệ giữa New Delhi và Washington đang phát triển nhanh chóng, với việc 2 bên ký kết một thỏa thuận hợp tác hậu cấn vào năm 2016, trong khi Việt Nam đã và đang tìm kiếm sự ủng hộ của Mỹ khi Biển Đông trở thành một điểm nóng. Trong khi suy ngẫm về cách kiểm soát sự trở lại của Trung Quốc, 3 nước này đã xích lại gần nhau hơn với một chiến lược. Với cân nhắc quyền lực đang nổi lên, cả Ấn Độ lẫn Việt Nam đều mong muốn định hình những lợi ích của mình với Mỹ khi các mối quan ngại về Trung Quốc tiếp tục gia tăng.

Hợp tác hàng hải giữa Việt Nam và Ấn Độ vẫn là trọng tâm, với việc Việt Nam cấp cho Ấn Độ quyền sử dụng cảng Nha Trang, năm 1996 gần vịnh Cam Ranh vẫn có ý nghĩa đáng kể với một chiến lược. Hải quân Ấn Độ thường xuyên có các chuyến thăm tại cảng biển miền Nam Việt Nam này. Việt Nam tham chí đã đề nghị Ấn Độ phát triển cơ sở hải quân này. Thúc đẩy rằng ngay cả Mỹ cũng không được trao đổi quyền này đã nhận mệnh lệnh từ phía Việt Nam với tính cấp thiết của sự hợp tác quốc phòng với Ấn Độ. Từ năm 2011, Hà Nội đã yêu cầu New Delhi huấn luyện cho các thủy thủ của mình về tác chiến tàu ngầm và cho các phi công của mình về cách vận hành máy bay Sukhoi 30, và chuyển giao các tàu chiến hải quân của vựa và tên lửa hành trình. Ấn Độ đã phản ứng tích cực. Hải quân Ấn Độ hiện đang huấn luyện khoảng 500 thủy thủ Việt Nam về tác chiến toàn diện dưới một nước tại cơ sở tàu ngầm INS Satavaham của nước này, trong khi Không quân Ấn Độ tiến hành huấn luyện chuyển đổi cho phi công thuộc Không quân Việt Nam.

Quan hệ đối tác an ninh của Việt Nam với Mỹ đã phát triển đáng kể trong thập kỷ qua. Gần như Ấn Độ, mặc dù hoàn cảnh sự tái cân bằng chiến lược của Mỹ hướng tới châu Á-Thái Bình Dương, những Việt Nam vẫn tỏ ra quan ngại. Là một nước nhỏ, Việt Nam luôn phải đối mặt với mối đe dọa của việc bị sử dụng như một quân cờ trong hoạt động chính trị nước lớn giữa Mỹ và Trung Quốc. Hơn nữa, gần như New Delhi, Hà Nội cũng lo sợ sự xuất hiện của một chế độ công quyền nước lớn giữa Washington và Bắc Kinh trong những năm đầu của Chính quyền Obama. Những bất đồng giữa Washington và Hà Nội về hợp tác nhân quyền của Hà Nội đã không cho phép bán vũ khí gây sát thương cho các lực lượng quốc phòng Việt Nam tại tháng 5/2016, qua đó kiểm soát phạm vi của quan hệ đối tác an ninh Việt-Mỹ. Do đó, Việt Nam đã tìm kiếm Ấn Độ để lấp đầy chỗ trống. Tóm lại, sự trở lại của Trung Quốc và quá trình chuyển giao quyền lực hiện tại ở châu Á đã làm dấy lên những

mối quan hệ tiếp tục được củng cố 2 năm nay.

## **Thăng tiến và các lĩnh vực khác**

Cùng với các mối quan hệ quốc phòng và chiến lược, Việt Nam đã cố gắng thúc đẩy quan hệ kinh tế với Việt Nam. Sự chuyển hướng chính sách của Modi từ "Hàng rào thép" sang "Hành động phía Đông", mà với cố bản nhằm tái vị trí của quan hệ với vùng lân cận mở rộng của khu vực châu Á-Thái Bình Dương và vị trí mở rộng quan hệ giữa Việt Nam và Việt Nam lên mức "Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện", khiến cho Việt Nam trở nên vô cùng trọng yếu trong tầm với hàng rào thép của Việt Nam. Với phần mình, Việt Nam đã tích cực ứng dụng chính sách Hành động phía Đông vì nó tạo điều kiện thuận lợi cho vai trò lớn hơn của Việt Nam trong khu vực. Ngoài ra, Việt Nam là nước đi đầu phía ASEAN và quan hệ đối thoại ASEAN-Việt Nam giai đoạn 2015-2018, đi đầu có thể được tin tưởng để tăng cường hơn nữa sự hợp tác này. Việt Nam giữ đây thu hút nhóm 10 đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam, và trong chuyến thăm năm 2016 của Modi, 2 năm đã vượt trội hơn các biện pháp thực tế và thực tiễn, như Tiềm năng chung và thương mại, nhằm đạt được mức tiêu kim ngạch thương mại 15 tỷ USD từ nay đến năm 2020. Hai nước cũng đã ký kết một thỏa thuận hỗ trợ nhân dân sự vào năm 2016, đi đầu được thông tin sự thúc đẩy hơn nữa thương mại song phương giữa 2 năm.

Quan hệ kinh tế Việt Nam-Việt Nam bắt đầu từ năm 1978 khi 2 quốc gia ký kết một thỏa thuận thương mại song phương. Năm năm 1982, Ủy ban chung Việt Nam-Việt Nam đã được thành lập cho việc hợp tác kinh tế, kỹ thuật và khoa học. Những năm đầu đã chứng kiến thương mại ở mức hơn chục tỷ USD giữa 2 quốc gia mà từ đó, Việt Nam đã tạo điều kiện thiết lập hơn mức tín dụng trị giá 400 triệu USD cho Việt Nam. Khoản đầu tư lớn đầu tiên của Việt Nam đến từ OVL vào năm 1989 ở ngoài khơi Vịnh Tàu, phía Đông thành phố Hồ Chí Minh. Thương mại song phương trong những năm đầu chủ yếu hướng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, được đánh dấu bởi sự giảm tốc của nền kinh tế Việt Nam.

Năm năm 1999, xuất khẩu Việt Nam đã đóng góp đến 90% tăng kim ngạch thương mại song phương trị giá 150 triệu USD, với việc các công ty thuộc khu vực tư nhân của Việt Nam như Ranbaxy và Godrej mở rộng chi nhánh của họ ở Việt Nam. Một bước ngoặt lớn đã đến cùng với việc thành lập Phòng kinh doanh Việt Nam - cố quan này chính thức được cấp phép vào tháng 2/1999. Thương mại song phương chiếm mức 1 tỷ USD vào năm 2006, vượt ngưỡng 2 tỷ USD vào năm 2009, và đạt mức 7,8 tỷ USD vào năm 2016. Một động lực mạnh mẽ cho các quan hệ kinh tế đã đến cùng với



viđc ký kđt Hiđp đđnh thđđng mđi tđ do Đn -ASEAN vào tháng 8/2009. Đn đđ bđt đđu xuđt khđu đđđc phđm, nhđa, kim lođi và hóa chđt sang Việt Nam, trong khi Việt Nam xuđt khđu thép, cao su và linh kiđn đđđn tđ sang Đn đđ. Nhđng quy mô cđa thđđng mđi Đn đđ-Việt Nam vđn còn khiếm tđn so vđi thđđng mđi Trung-Việt.

Hai quđc gia cđng đđ mđ rđng hđp tác trong các lđnh vđc nhđ thđm dò không gian và an ninh mđng. New Delhi và Hà Nđi đđ ký kđt Thđa thuđn khung liên chính phđ vđ khai thác và sđ đđng không gian vđ trđ vì mđc đđch hòa bình, và nhđt trí ký kđt Thđa thuđn thđc hiđn giđa Tđ chđc nghiñ cđu không gian Đn đđ và Bđ Tài nguyên và môi trđđng Việt Nam vđ viđc xây đđng Trđm theo đđi và tiđp nhđn đđ liđu và Cđ sđ xđ lý đđ liđu đ Việt Nam trong khuôn khđ hđp tác không gian Đn đđ-ASEAN. Mđt biên bđn ghi nhđ vđ an ninh mđng cđng đđđc ký kđt giđa Bđ Công an Việt Nam và Bđ Đđđn tđ và công nghđ thông tin Đn đđ; và 2 quđc gia cđng đđ tđo đđđu kiđn thuđn lđi cho viđc chuyđn giao trang thiđt bđ cho Phòng thí nghiđm tđi phđm công nghđ cao Indira Gandhi do Đn đđ tài trđ. Đn đđ cđng đđ thiđt lđp mđt cđ sđ theo đđi vđ tinh đ thành phđ Hđ Chí Minh. Mđc dù đđđc gđi là mđt cđ sđ dân sđ, song nó có thđ đđm lđi các lđi ích chiñ lđđc nhđ theo đđi hođt đđng cđa Trung Quđc trên biđn, đđ phòng trđđng hđp xuđt hiđn mđi đđ đđa. Viđc này đđ đđđc Tđ chđc nghiñ cđu không gian Đn đđ lên kđ hođch và thđc hiđn.

## **Kđt luđn**

Hđp tác vđ an ninh khu vđc, quđc phòng và các cam kđt thđđng mđi, Đn đđ và Việt Nam đđ tìm cách xây đđng mđi quan hđ đđi tác vđng mđnh trong vài nđm qua. Khi xét đđn sđ hđi tđ chung giđa 2 nđđc, có khđ nđng mđi quan hđ này sđ chđ phát triñ vđng mđnh hđn. Vđn còn nhiđu viđc cđn làm, chđng hđn nhđ Đn đđ có thđ giúp Việt Nam phát triñ lđnh vđc quđc phòng cđa nđđc này thông qua đđu tđ và nđ lđc hđđng tđi cùng sđn xuđt. Việt Nam cđng là mđt thđ trđđng tiđm nđng đđi vđi xuđt khđu quđc phòng cđa Đn đđ, vđn vđn chđa đđđc khai thác đđng mđc. Ngoài ra, phđm vi cho viđc thđm dò đđa hđt kinh tđ trong các lđnh vđc nhđ nđng lđđng, khai khoáng, chđ biđn nông sđn, chđm sóc sđc khđe, công nghđ thông tin và giáo đđc, trong sđ các lđnh vđc khác, là đđng kđ, và đđđu này sđ giúp thúc đđy quan hđ hiđn có. Các cuđc trao đđi vđn hóa và trao đđi nhân dân cđn đđđc cđng cđ thêm, khi thiđn chí mà 2 nđđc có thđ tđn đđng là đđng kđ. Nhìn chung, đđy là mđt mđi quan hđ đđng đ vào thđ sđn sđng cđt cánh trong nhđng nđm tđi, đđđc đđn đđt bđi ban lđnh đđo chính trđ cđa 2 quđc gia vđi quyđt tâm đđn đđt mđi quan hđ này theo hđđng quan hđ chiñ lđđc thđc sđ.

*Harsh V. Pant là Giáo sư về Quan hệ Quốc tế tại Trung tâm Nghiên cứu Quốc phòng và Viện Nghiên cứu Ấn Độ, Đại học King London, nhà Nghiên cứu Xuất sắc đồng thời là Giám đốc Chương trình Nghiên cứu Chiến lược, Quỹ Nghiên cứu nhà Quan sát, New Delhi, Ấn Độ. Bài viết được đăng trên [\*\*Viện nghiên cứu quốc tế S. Rajaratnam \(RSIS\)\*\*](#)*

**Trần Quang (gt)**